

**VIỆN HÀN LÂM  
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

**NGUYỄN MAI TRÂM**

**PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI  
TẠI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm**

**Mã số: 62 38 01 05**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

Công trình được hoàn thành tại: Học viện Khoa học xã hội.

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1. PGS.TS PHẠM VĂN TỈNH**

**2. TS NGUYỄN DUY THUÂN**

Phản biện 1: PGS.TS. Trần Văn Độ

Phản biện 2: GS.TS. Nguyễn Ngọc Anh

Phản biện 3: TS. Đỗ Đức Hồng Hà

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án tiến sĩ họp tại: Học viện Khoa học Xã hội vào lúc:

..... giờ, ngày ..... tháng .... năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện Học viện khoa học xã hội

Thư viện Quốc gia Việt Nam

## **NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

1. - Luận văn Thạc sĩ Luật học đề tài: “Đấu tranh phòng chống tội mua bán người trên địa bàn tỉnh An Giang và Thành phố Hồ Chí Minh”.
2. - “Những bất cập trong điều tra, truy tố, xét xử tội mua bán người theo Điều 119 Bộ luật Hình sự”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 23-12/2014.
3. - “Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm mua bán người – một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện”, Tạp chí Tòa án nhân dân số 02-01/2015.
4. - “Trao đổi một số bất cập trong công tác quản lý nhà nước về phòng chống tội phạm mua bán người”, Tạp chí Nghề luật số 03-2015.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong chiều dài lịch sử phát triển của nhân loại, con người luôn được đặt tại vị trí trung tâm, trong đó quyền con người được xem là giá trị chung của nhân loại, thành quả của quá trình đấu tranh gian khổ, bền bỉ mà cả nhân loại hướng tới và ra sức bảo vệ. Chính vì vậy, mua bán người đã trở thành mối quan tâm sâu sắc của nhiều quốc gia trên khắp thế giới. Mua bán người, bao gồm phụ nữ, đàn ông và trẻ em, đặt biệt là cho mục đích tình dục không phải là một hiện tượng mới, đã và đang trở thành một thực tế phổ biến trong nhiều xã hội qua các thời kỳ lịch sử. Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, nhất là trong quá trình phát triển, hội nhập kinh tế, toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ thì mua bán người đã thực sự trở thành mối đe dọa cho quá trình này, bởi mua bán người, đặt biệt là mua bán phụ nữ, trẻ em với nhiều hình thái, động cơ khác nhau, được tổ chức chặt chẽ hơn và mang tính xuyên vùng, xuyên quốc gia, bao quanh nó là các vấn đề về đạo lý, đạo đức, chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, thương mại... Mua bán người trở thành một ngành kinh doanh có tính toàn cầu đem lại những món lợi nhuận khổng lồ cho những tổ chức tội phạm. Theo báo cáo của Tổ chức nhập cư thế giới (IOM), *hàng năm có khoảng 4 triệu người bị buôn người bán qua biên giới các quốc gia, lợi nhuận thu được từ hoạt động tội ác này hằng năm không dưới 10 tỉ USD, chỉ đứng sau lợi nhuận thu được từ buôn bán vũ khí và buôn lậu ma túy* [75] và theo báo cáo của Liên Hợp Quốc và tổ chức Lao động quốc tế, *hàng năm trên thế giới có khoảng 800.000- 1.000.000 người bị mua bán, lợi nhuận tội phạm thu được khoảng 32 tỉ USD. Trong đó, trên 80% nạn nhân là phụ nữ và các bé gái* [38]. Một biểu hiện của chế độ “chiếm hữu nô lệ thời hiện đại” mà cả nhân loại lên án và tìm mọi biện pháp ngăn chặn, loại trừ. Mua bán người được xếp vào loại tội ác chống lại loài người bởi nó xâm phạm nghiêm trọng tới quyền con người, trong đó, có những quyền cơ bản nhất như: quyền tự do đi lại, quyền được bảo vệ an toàn về tính mạng, sức khỏe, quyền lao động... Tội phạm mua bán người có tính chất và mức độ nguy hiểm cao cho xã hội bởi tính giã man, vô nhân đạo thể hiện ở chỗ không chỉ xâm phạm các quyền con người mà còn coi con người như một món hàng hoá để trao đổi vì lợi nhuận. Hậu quả của tội phạm mua bán người đối với

nạn nhân và gia đình nạn nhân nói riêng, đối với xã hội nói chung rất nặng nề.

Ở Việt Nam, tội phạm mua bán người là một hiện tượng chỉ mới xuất hiện khoảng hơn chục năm trở lại đây, song tính đa dạng và phức tạp cũng như những hậu quả nghiêm trọng mà loại tội phạm này gây ra cho nạn nhân, gia đình, xã hội đã thu hút sự quan tâm đặc biệt và lo ngại sâu sắc của Nhà nước và cộng đồng.

Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều biện pháp nhằm đấu tranh ngăn chặn tình trạng mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ và trẻ em nhưng tình hình tội phạm mua bán người vẫn diễn biến phức tạp với tính chất, thủ đoạn ngày càng nghiêm trọng, tinh vi, xảo quyệt; nhiều trường hợp có tổ chức chặt chẽ và có tính xuyên quốc gia. Tội phạm mua bán người đã thực sự trở thành vấn đề nóng bỏng, nhức nhối, ảnh hưởng xấu đến đời sống sinh hoạt của xã hội, phong tục, tập quán, đạo đức xã hội, pháp luật của Nhà nước, cướp đi hạnh phúc của nhiều gia đình, làm tăng nguy cơ lây nhiễm HIV/AIDS, tiềm ẩn những nhân tố xấu về an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Các phần tử xấu lợi dụng vấn đề này để nói xấu, tuyên truyền sai sự thật, ảnh hưởng đến uy tín của Đảng và Nhà nước [15].

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên, đặt ra cho khoa học pháp lý phải nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện về tội phạm mua bán người để tìm ra những giải pháp phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người là một yêu cầu cấp bách và cần thiết vì:

*Thứ nhất*, xét về mặt đạo đức xã hội, hành vi mua bán người là loại hành vi suy đồi nhất, đáng xấu hổ nhất và đáng bị trừng phạt nhất trong mọi loại hành vi. Vì thế, nghiên cứu để tiến tới loại trừ hành vi tha hóa nhất về mặt đạo đức luôn được đặt ra.

*Thứ hai*, xét trên phương diện thực tế của tình hình tội phạm ở nước ta, vấn đề cần phải được nhìn nhận ở hai đặc điểm sau:

- *Một là*, trong đây chuyên các đối tượng chịu sự xâm hại của những hành vi phạm tội, phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam là những đối tượng dễ bị xâm hại nhất, tức là những mắt xích yếu nhất. Cho nên, dù tội danh mua bán phụ nữ đã được thay thế thành tội danh mua bán người cho phù hợp với pháp luật quốc tế và với những biểu hiện mới của tình hình tội phạm, thì phụ nữ và trẻ em nước ta vẫn là những người bị hại chủ yếu;

- Hai là, một trong những nét đặc trưng nhất, đáng lưu ý nhất đối với tình hình tội phạm thời kỳ kinh tế thị trường so với thời kỳ kinh tế bao cấp ở nước ta chính là mức tăng đột biến và dữ dội của tình hình tội phạm mua bán phụ nữ và trẻ em.

*Thứ ba*, xét trên phương diện lý luận, tội phạm học, khoa học luật hình sự và các khoa học pháp lý có liên quan khác trong những năm qua đã có những bước tiến mới tạo thêm những cơ sở lý luận mới cho việc tiến hành nghiên cứu đề tài “Phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam”;

*Thứ tư*, về mặt pháp luật, bên cạnh việc Quốc hội ban hành Luật số 37/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2010) (sau đây gọi là Bộ luật hình sự năm 1999) để sửa đổi Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 từ tội “Mua bán phụ nữ” thành tội “Mua bán người” và giữ nguyên Điều 120 về “Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em” chỉ bổ sung, sửa đổi khoản 2 điều luật này thì ngày 27/11/2015, Quốc hội ban hành Luật số 100/2015/QH13 ban hành Bộ luật hình sự năm 2015 thì Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 được đổi thành Điều 151 giữ nguyên tên tội danh, chỉ sửa đổi, bổ sung một số quy định trong điều luật. Riêng Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 từ tội “Mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em” thành tội “Mua bán người dưới 16 tuổi ” tách các hành vi đánh tráo, chiếm đoạt thành các điều luật riêng và thêm vào Điều 154 quy định về tội “Mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người”. Ngoài ra, Quốc hội còn ban hành Luật phòng, chống mua bán người, có hiệu lực từ ngày 01/01/2012, đã làm nảy sinh nhu cầu nhận thức mới về tội mua bán người trong tình hình mới.

Từ phân tích trên, tác giả chọn vấn đề **“Phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam”** làm đề tài luận án tiến sĩ Luật học, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

## **2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1 Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở làm rõ tình hình tội phạm mua bán người; thực trạng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người để tìm nguyên nhân, điều kiện tồn tại của tình hình tội phạm mua bán người thời gian qua ở nước ta; luận án đưa ra hệ thống các giải pháp, kiến nghị phòng ngừa loại tội phạm này góp phần hoàn thiện lý luận về phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói

riêng, nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm mua bán người ở Việt Nam trong thời gian tới.

## **2.2 Nhiệm vụ nghiên cứu**

Các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây cần phải thực hiện để đạt được mục đích của đề tài luận án:

*Thứ nhất*, phân tích, hệ thống làm rõ những vấn đề lý luận về phòng, chống tội phạm mua bán người; Phân tích làm rõ khái niệm, đặc điểm tội mua bán người; Xác định những đặc trưng pháp lý của tội mua bán người; Phân biệt tội mua bán người với hành vi đưa người di cư trái phép.

*Thứ hai*, phân tích làm rõ những quy định của pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam, bao gồm: các văn bản luật (Bộ luật hình sự, Luật phòng, chống mua bán người...) và các văn bản dưới luật (các văn bản chỉ đạo của các cấp, Ban, ngành, đoàn thể về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng); Đánh giá thực trạng các biện pháp phòng ngừa tội phạm mua bán người đã và đang được áp dụng trên phạm vi cả nước, cũng như những văn bản chỉ đạo trên các địa bàn cụ thể.

*Thứ ba*, phân tích, làm rõ tình hình tội phạm mua bán người tại Việt Nam từ 2004 đến 2015; Đánh giá thực trạng phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua tại nước ta, bao gồm: làm rõ phần hiện và phần ẩn của tình hình tội phạm mua bán người; luận giải, mô tả, minh chứng bằng các số liệu, tình huống điển hình về bức tranh hiện thực phản ánh tình hình tội phạm mua bán người thời gian qua; Xác định các yếu tố thuộc về nguyên nhân, điều kiện của tội phạm mua bán người;

*Thứ tư*, dự báo tình hình tội phạm mua bán người và thiết lập hệ thống các biện pháp phòng, chống tội phạm mua bán người trong thời gian tới.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1 Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các vấn đề lý luận và thực tiễn phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam. Cụ thể trên cơ sở làm rõ các quy luật của tội phạm mua bán người và thực tế của tình hình tội phạm mua bán người tại Việt Nam từ năm 2004- 2015 để xác định nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng, trong đó phân tích, đánh giá để tìm ra mối liên hệ giữa tình

hình tội phạm mua bán người với những hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội khác.

### **3.2 Phạm vi nghiên cứu**

- Về nội dung, nghiên cứu phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam dưới góc độ tội phạm học.

- Về không gian, khảo sát tình hình tội phạm và đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người trên phạm vi cả nước trong đó tập trung vào một số địa bàn chủ yếu về tình hình tội phạm mua bán người như: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh An Giang...

- Về thời gian, khảo sát tình hình tội phạm mua bán người và thực trạng phòng, chống tội phạm mua bán người từ năm 2004 đến năm 2015. Trong đó, đề tài sử dụng chất liệu nghiên cứu trong vòng 12 năm, từ 2004 đến năm 2015, bao gồm số liệu thống kê xét xử sơ thẩm hình sự của Tòa án và 92 bản án hình sự các loại về tội mua bán người/mua bán phụ nữ, mua bán trẻ em.

### **4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

Cơ sở lý luận của luận án là nền tảng tri thức về luật hình sự và tội phạm học đã được nhân loại khái quát từ trước đến nay thể hiện thông qua các công trình khoa học mà tác giả đã kế thừa trong luận án làm nền tảng tri thức để tiếp cận, nghiên cứu tội phạm mua bán người.

Lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước là phương pháp luận chủ yếu. Trong đó, trọng tâm vẫn là phương pháp luận Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đây là phương pháp chủ đạo xuyên suốt toàn bộ quá trình nghiên cứu của luận án, để đưa ra những nhận định, kết luận khoa học đảm bảo tính khách quan, khoa học.

Tác giả còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành luật hình sự, luật tố tụng hình sự và đặc biệt là tội phạm học, cụ thể như:

- *Phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn*: Phương pháp này được sử dụng trong tất cả các Chương của luận án để xem xét từng vấn đề nghiên cứu trong mối liên hệ giữa lịch sử, lý luận, pháp lý với thực tiễn tổ chức thực hiện.

- *Phương pháp phân tích, so sánh, chứng minh và tổng hợp*: Các phương pháp này dùng để làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn nhằm thống nhất nhận thức. Các phương pháp này được sử dụng trong tất cả các Chương của luận án, đi sâu trình bày các hiện tượng, các quan điểm, quy



định và thực tiễn phòng, chống tội phạm mua bán người; rút ra bản chất của các hiện tượng, các quan điểm, quy định và hoạt động thực tiễn phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng, từ đó đưa ra những dự báo, kiến nghị hoàn thiện pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm mua bán người.

- *Phương pháp lịch sử*: Được vận dụng nhằm phân tích, đánh giá sự kế thừa và phát triển. Phương pháp này chủ yếu được sử dụng tại Chương 2, Chương 4 của luận án nhằm đưa ra những chứng cứ, số liệu trong từng giai đoạn lịch sử đặt trong những bối cảnh, mối quan hệ qua lại với những yếu tố lịch sử khác. Ngoài ra, phương pháp này cũng được sử dụng tại các Chương khác của luận án khi trình bày, phân tích và đánh giá pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người.

- *Phương pháp thống kê, khảo sát ý kiến, nghiên cứu hồ sơ, hệ thống và phương pháp chuyên gia*: Dùng để đánh giá thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua. Phương pháp này chủ yếu được sử dụng tại Chương 2 của luận án.

- *Phương pháp hệ thống*: Phương pháp này được sử dụng xuyên suốt toàn bộ luận án nhằm trình bày nội dung theo một trình tự, bố cục hợp lý, chặt chẽ, có sự gắn kết, kế thừa, phát triển các vấn đề để đạt được mục đích, yêu cầu đã được xác định cho luận án.

Để thực hiện có hiệu quả mục đích nghiên cứu, luận án kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp trong suốt quá trình nghiên cứu của toàn bộ nội dung luận án. Tùy thuộc vào đối tượng nghiên cứu của từng chương, mục trong luận án, tác giả vận dụng, chú trọng các phương pháp khác nhau cho phù hợp.

## **5. Những đóng góp mới của luận án**

*Thứ nhất*, luận án đã tìm hiểu và hệ thống hóa các công trình khoa học đi trước có liên quan đến đề tài luận án, tác giả kế thừa có chọn lọc và phát triển ý tưởng khoa học, từ đó đưa ra những luận điểm của mình về vấn đề nghiên cứu.

*Thứ hai*, luận án nghiên cứu hệ thống các quy phạm pháp luật về tội phạm mua bán người, nghiên cứu các vấn đề lý luận về tội mua bán người, tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em theo Điều 119, 120 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội mua bán người, tội mua bán người dưới 16 tuổi, tội mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người theo Điều 151, 152, 154 Bộ luật hình sự năm 2015. Đồng thời nghiên cứu các quy định của Luật phòng, chống mua bán người.

*Thứ ba*, luận án đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn pháp luật trong đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người trên phạm vi toàn quốc, chỉ ra được các khái niệm, dấu hiệu pháp lý, đặc điểm và thực tiễn phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua tại Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn từ năm 2010 đến nay (thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành) và Bộ luật hình sự năm 2015 được ban hành.

*Thứ tư*, luận án đã phân tích, đánh giá, làm rõ tình hình tội phạm mua bán người và thực trạng phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua tại Việt Nam, trên cơ sở đó xác định nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm mua bán người.

*Thứ năm*, luận án đã nghiên cứu, tiếp cận lý luận về quyền con người và cơ sở thực tiễn của nó, sự liên quan giữa quyền con người với tội phạm mua bán người, từ đó đưa ra các giải pháp căn bản từ góc độ nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam.

*Thứ sáu*, luận án đã đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm mua bán người dựa trên cơ sở phân tích các điều kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội cụ thể tại nước ta.

*Thứ bảy*, luận án cung cấp những luận cứ khoa học phù hợp với thực tiễn, làm cơ sở cho việc đề ra các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng; là cơ sở để thiết kế các biện pháp ngăn chặn và đẩy lùi, đặc biệt là việc đề ra các biện pháp phòng ngừa trong hiện tại và dự báo, phòng ngừa trong tương lai, thông qua việc đánh giá mức độ nguy hiểm của tội phạm, phát hiện những quy luật tồn tại và phát triển của tội phạm.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

### **6.1. Ý nghĩa về mặt khoa học**

Luận án là công trình khoa học nghiên cứu tội phạm mua bán người dưới góc độ tội phạm học tại Việt Nam. Việc nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề lý luận, thực tiễn đã làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua, góp phần hoàn thiện lý luận về luật hình sự và lý luận về tội phạm học liên quan đến tội phạm mua bán người.

Trên cơ sở nghiên cứu, luận án đã đề ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam nói chung và

tội phạm học nói riêng, cũng như đề ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người.

Kết quả nghiên cứu của Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, học tập và nghiên cứu tội phạm học và pháp luật hình sự. Đây là nguồn tư liệu mang tính lý luận và thực tiễn cao, dùng để tham khảo đề ra các giải pháp căn bản và lâu dài trong công tác.

### **6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn**

Kết quả nghiên cứu của Luận án có giá trị như một tài liệu tham khảo cho hoạt động phòng, chống tội phạm nói chung và phòng, chống tội phạm mua bán người ở Việt Nam nói riêng.

## **7. Cơ cấu của luận án**

### **Chương 1**

#### **TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU**

Tại chương này, luận án trình bày khái quát về tình hình nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến hoạt động phòng, chống mua bán người thời gian qua. Trong đó, luận án hệ thống các công trình nghiên cứu trên thế giới, cũng như tình hình nghiên cứu ở Việt Nam.

Trên cơ sở hệ thống, phân tích các vấn đề khoa học liên quan đến đề tài, luận án đưa ra những đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu, với nội dung cơ bản là:

*\* Đối với các công trình nước ngoài*

- *Thứ nhất*, các công trình nghiên cứu, đặc biệt là các văn kiện đã đề cập và phân tích các nguyên tắc, kế hoạch hành động, trong đó chỉ rõ các bước cần tiến hành để thực hiện các nguyên tắc, đặc biệt đưa ra được khái niệm về buôn bán người, cũng như mô tả được các hành vi, yếu tố cấu thành tội phạm mua bán người. Đây là điểm xuất phát rất quan trọng, là cơ sở lý luận mang tính chất tiền đề để tác giả luận án tiếp tục đi sâu phân tích cơ sở lý luận và có sự so sánh giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về phòng, chống tội phạm mua bán người.

- *Thứ hai*, các công trình nghiên cứu nước ngoài thường được thực hiện thông qua điều tra xã hội học, thông qua các cuộc điều tra các tác giả chỉ ra thực trạng và đề xuất kiến nghị trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn. Cách tiếp cận này, có ưu điểm là xác với thực tế, đưa ra các kiến nghị phù hợp tại phạm vi nghiên cứu nhưng hạn chế là không mang tính khái quát (các tác phẩm thường được trình bày dưới dạng câu hỏi khảo sát, trả lời).

- *Thứ ba*, pháp luật Việt Nam và thế giới còn tồn tại sự khác biệt, trong đó có sự khác biệt về khái niệm tội phạm mua bán người giữa các

nước với nước ta, thể hiện rõ nhất ngay cách dùng từ để chỉ về loại tội phạm này, đa số các nước dùng “buôn bán người”, nước ta là “mua bán người”, cũng như một số yếu tố cấu thành tội phạm...

- *Thứ tư*, các công trình nghiên cứu đã xác định được các đối tác tiềm năng trong các Chương trình Phòng, chống mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ, trẻ em tại các quốc gia, vùng lãnh thổ nơi đến và điểm xuất phát, cũng như xác định bản chất, mức độ, địa điểm, hình thức buôn bán, xu hướng, nguyên nhân, hậu quả tại mỗi địa điểm đã xác định. Xác định các lỗ hổng trong đáp ứng nhu cầu phòng, chống mua bán người giữa các quốc gia từ đó đưa ra các kiến nghị cho các chương trình hợp tác về phòng, chống mua bán người, đặc biệt là mua bán phụ nữ, trẻ em trong tương lai với các lĩnh vực đã được xác định.

- *Thứ năm*, các công trình nghiên cứu nước ngoài đã cung cấp cho tác giả một cái nhìn toàn diện, đa chiều về tình hình tội phạm mua bán người ở các nước và công tác đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này trên phạm vi các nước và thế giới, từ đó giúp tác giả có cơ sở để nghiên cứu, so sánh với thực trạng đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người ở nước ta, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng.

*\* Đối với các công trình trong nước*

- *Thứ nhất*, các công trình cho thấy có nhiều cách tiếp cận ở các góc độ khác nhau từ góc độ tội phạm học, góc độ pháp lý hình sự đối với tội phạm mua bán người. Các công trình nghiên cứu cũng đã thống nhất về mặt nhận thức lý luận về tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng. Các tác giả đều khẳng định tội phạm mua bán người tại nước ta ngày càng phức tạp và cần sự nỗ lực của toàn xã hội để đẩy lùi loại tội phạm này. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu tội phạm mua bán người trên phạm vi toàn quốc, một số công trình được nghiên cứu đã từ lâu ở giai đoạn trước khi Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, Luật phòng, chống mua bán người được ban hành.

- *Thứ hai*, các công trình nghiên cứu đã thống nhất về nhận thức lý luận về tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội phạm mua bán người nói riêng, bao gồm: Phần ẩn của tình hình tội phạm; Phần hiện của tình hình tội phạm; Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm. Động thái (diễn tiến) của tình hình tội phạm; Tính chất của tình hình tội phạm; Cơ cấu của tình hình tội phạm; Đánh giá tình

hình tội phạm theo cơ cấu, động thái và tính chất của tình hình tội phạm để làm cơ sở để tìm ra nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm, từ đó đưa ra dự báo và đề ra các giải pháp khắc phục.

- *Thứ ba*, các công trình nghiên cứu đã làm sáng tỏ vai trò phòng, chống của tình hình tội phạm, thiếu một trong hai mặt này thì không thể từng bước giải quyết có hiệu quả vấn đề tội phạm, dần loại nó ra khỏi đời sống xã hội. Các công trình nghiên cứu cũng đều thống nhất đánh giá vai trò nổi trội của phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội phạm mua bán người riêng, trong sự so sánh vai trò giữa phòng và chống tội phạm.

- *Thứ tư*, các công trình nghiên cứu đã được công bố thời gian qua về tình hình mua bán người (mua bán phụ nữ, mua bán trẻ em) trên một địa bàn cụ thể, đã đi sâu nghiên cứu được những đặc trưng pháp lý, cũng như khái quát được công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm mua bán người trên một địa phương cụ thể trong một giai đoạn nhất định, trong đó đã thống kê đầy đủ số lượng vụ, đối tượng, nạn nhân, đồng thời cũng tìm ra được các nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm và đưa ra được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm này. Đây là những nghiên cứu hữu ích sẽ được tác giả kế thừa trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, bản thân tình hình tội phạm mua bán người thời gian qua luôn biến đổi và chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu tổng kết thực tiễn, phân tích nguyên nhân và điều kiện để tội phạm mua bán người tồn tại và phát triển từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người trên phạm vi cả nước. Các công trình, đề tài nghiên cứu, sách chuyên khảo, các bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành... là những điều kiện hỗ trợ cho việc thực hiện luận án.

- *Thứ năm*, đã có một số công trình nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm mua bán người nhưng chưa được nghiên cứu sâu, vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu sâu để có cách hỗ trợ phù hợp.

*\* Một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu*

- Trên cơ sở khảo cứu, hệ thống hoá các công trình khoa học đi trước có liên quan đến đề tài luận án, tác giả kế thừa có chọn lọc và phát triển ý tưởng khoa học, từ đó đưa ra những luận điểm của mình về vấn đề nghiên cứu.

- Bên cạnh việc nghiên cứu hệ thống các quy phạm pháp luật về tội phạm mua bán người, luận án sẽ tập trung hướng nghiên cứu vào

thực tiễn phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua tại Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn từ năm 2010 đến nay. Từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá về những khó khăn, phức tạp trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người, trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị, giải pháp hoàn thiện.

- Một hướng tiếp cận khác cũng được luận án chú trọng là nghiên cứu lý luận về quyền con người và cơ sở thực tiễn của nó, sự liên quan giữa quyền con người với tội phạm mua bán người, từ đó đưa ra các giải pháp căn bản từ gốc để nâng cao hiệu quả đấu tranh với tội phạm này.

- Các công trình nghiên cứu trước đây, chủ yếu nghiên cứu dựa trên Bộ luật hình sự năm 1999 chưa được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, Luật Phòng, chống mua bán người chưa được ban hành. Mặt khác, tình hình tội phạm mua bán người đến nay đã có những thay đổi nhất định. Vì vậy với việc nghiên cứu sâu, toàn diện tình hình tội phạm, tìm hiểu các quy định pháp luật mới nhằm làm rõ các yếu tố cấu thành tội phạm, tìm hiểu nguyên nhân, thực trạng dẫn đến sự tồn tại, phát triển của loại tội phạm này từ đó tìm ra các phương án phòng, chống thích hợp nhằm từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tội phạm này tại nước ta.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy thời gian qua đã có nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm mua bán người với nhiều cách tiếp cận ở các góc độ khác nhau từ góc độ tội phạm học, góc độ pháp lý hình sự đối với tội phạm mua bán người. Các công trình nghiên cứu của chương này đã cho thấy một bức tranh toàn cảnh, đa diện về tình hình nghiên cứu tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng trên thế giới.

Tại Việt Nam, tội phạm mua bán người chỉ mới xuất hiện trong thời gian gần đây, tuy nhiên do tính chất nghiêm trọng và phức tạp của loại tội phạm này nên đã có nhiều công trình nghiên cứu, tuy nhiên các công trình nghiên cứu đã được công bố thời gian qua về tình hình tội phạm mua bán người (mua bán phụ nữ, mua bán trẻ em) là các công trình nghiên cứu trên một địa bàn cụ thể hoặc đã được nghiên cứu trước khi Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, Luật Phòng, chống mua bán người được ban hành. Vì vậy, cần có một công trình nghiên cứu, các vấn đề lý luận mới liên quan đến tội phạm mua bán người.

Mặt khác, bản thân tình hình tội phạm mua bán người thời gian qua luôn biến đổi và chưa có công trình nào đi sâu vào nghiên cứu tổng kết thực tiễn, phân tích nguyên nhân và điều kiện để tội phạm mua bán người tồn tại và phát triển từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống mua bán người trên phạm vi cả nước. Đây chính là những nội dung chính mà luận án sẽ tập trung nghiên cứu và làm sáng tỏ cả về mặt lý luận và thực tiễn để từ đó làm cơ sở đưa ra các giải pháp phù hợp đối với công tác phòng, chống tội phạm mua bán người trong thời gian tới.

## **Chương 2**

### **TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI VÀ TÌNH HÌNH TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Tại chương này, luận án trình bày khái quát về những vấn đề có liên quan đến pháp luật về phòng, chống tội phạm mua bán người, cũng như thực tiễn phòng, chống tội phạm mua bán người thời gian qua. Các vấn đề được luận án đề cập, hệ thống như:

2.1 Tội phạm mua bán người theo quy định của luật hình sự Việt Nam hiện hành. Trong tiêu mục này, luận án đề cập các vấn đề như:

- *Khái niệm và đặc điểm tội phạm mua bán người*
- *Đặc trưng pháp lý của tội mua bán người, mua bán trẻ em*
- *Phân biệt tội phạm mua bán người với các hành vi đưa người di cư trái phép*

2.2 Tình hình tội phạm mua bán người ở Việt Nam hiện nay, trong đó, nghiên cứu và hệ thống các vấn đề như:

#### *2.2.1. Phân hiện của tình hình tội phạm mua bán người*

Nghiên cứu phân hiện của tình hình tội phạm mua bán người, cụ thể là nghiên cứu:

- *Mức độ của tình hình tội phạm mua bán người*
- *Diễn biến của tình hình tội phạm mua bán người ở Việt Nam giai đoạn 2004-2015*

- *Cơ cấu của tình hình tội phạm mua bán người, trong đó nghiên cứu về: Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm; Cơ cấu theo tiêu chí hình thức phạm tội (Đồng phạm hoặc phạm tội đơn lẻ); Cơ cấu theo tiêu chí động cơ, mục đích của người phạm tội; Cơ cấu theo tiêu chí đặc điểm nhân thân của người phạm tội; Cơ cấu theo tiêu chí hình phạt được áp dụng cho người phạm tội; Cơ cấu theo đơn vị hành chính - lãnh thổ (tỉnh, TP); Cơ cấu theo dân tộc; Cơ cấu theo tiêu chí đặc điểm nhân thân của nạn nhân*

- *Tính chất của tình hình tội phạm mua bán người*

Qua các phân tích trên, có thể đưa ra một số nhận định sau về tính chất của tình hình tội phạm mua bán người ở Việt Nam giai đoạn 2004 – 2015 như sau:

*Thứ nhất*, tình hình tội phạm mua bán người diễn biến ngày càng phức tạp với các thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Trong đó, người phạm tội sẽ thường xuyên thay đổi phương thức thủ đoạn để thực hiện và nhằm che giấu hành vi phạm tội.

*Thứ hai*, người thành niên là nữ giới vẫn là chủ thể chính của loại tội phạm này. Đồng thời, chủ thể người thành niên với một số đặc điểm chuyên biệt có khuynh hướng phạm tội mua bán người rất cao. Đó là: Người có trình độ học vấn thấp (*dẫn đến hạn chế về mặt nhận thức hành vi*) và không có việc làm, hoặc việc làm không ổn định. Với khuynh hướng này sẽ tạo cơ sở để có sự đầu tư tập trung đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả tình hình tội phạm này.

*Thứ ba*, mức độ nguy hiểm của tình hình tội phạm này là rất cao. Thể hiện ở các yếu tố như: Phạm tội có tổ chức (*bàn bạc, phân công...*), có tính chất xuyên vùng, xuyên quốc gia và phương thức gây án gồm 3 bước, chuẩn bị, thực hiện và che giấu tội phạm là phương thức chủ yếu của tội phạm. Như vậy, có thể thấy rằng, tội phạm mua bán người có sự tính toán, chuẩn bị rất kỹ lưỡng như: Nghiên cứu hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế của nạn nhân hoặc lợi dụng những kẻ hở của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội, thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội nhằm trốn tránh sự phát hiện các cơ quan chức năng...

*Thứ tư*, xét ở yếu tố hình phạt cho thấy, hình phạt áp dụng đối với loại tội phạm này thời gian qua còn thấp chưa đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Phân tích số liệu của Tòa án nhân dân tối cao và thống kê nguồn dữ liệu thống kê không thường xuyên (*92 bản án với 230 bị cáo*), thấy rằng, hình phạt tù là hình phạt chủ yếu áp dụng đối với tội phạm này nhưng mức hình phạt không cao chủ yếu từ 3 đến 7 năm tù.

*Thứ năm*, tình hình tội phạm mua bán người giai đoạn 2004 – 2015 có mức độ phức tạp cao. Các cơ sở để khẳng định điều này: *Một là*, người bị hại của tình hình tội phạm này rất đa dạng, bao phủ hết các độ tuổi, có cả trẻ em, người chưa thành niên, người thành niên. *Hai là*, yếu tố hành vi của người phạm tội cũng khá phức tạp. Người phạm tội thường là người thành niên nhưng người chưa thành niên



cũng bị lôi kéo tham gia phạm tội; phạm tội có đồng phạm, có tính chất tổ chức cao, có sự phân công, phân nhiệm trong thực hiện tội phạm, trong một số trường hợp hoạt động theo phương thức một biết một nên khó phát hiện; nhiều trường hợp có sự cấu kết của các đối tượng trong nước với các đối tượng ở nước ngoài nên khó khăn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử. *Ba là*, ở các địa bàn khác nhau thì phương thức, thủ đoạn phạm tội khác nhau, điều này gây khó khăn cho công tác phòng, chống vì đòi hỏi bên cạnh những giải pháp chung thì cần có những giải pháp đặc thù cho các địa bàn khác nhau.

*Thứ sáu, hậu quả do tội phạm mua bán người gây ra* là hết sức nặng nề và rất nghiêm trọng, hậu quả của nó kéo dài trong nhiều năm thậm chí là nhiều thế hệ ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

### 2.2.2. *Phần ẩn của tình hình tội phạm mua bán người*

*Về phần ẩn của tình hình tội phạm MBN giai đoạn 2004-2015*, trên cơ sở đối chiếu số liệu thống kê, báo cáo các loại, các nghiên cứu trong thời gian qua cho thấy mức độ ẩn của tội phạm mua bán người là rất lớn. Các yếu tố tạo nên phần ẩn của tình hình tội phạm này đó là:

*Thứ nhất*, ẩn do pháp luật, trước ngày 01/7/2010, tội phạm mua bán người chỉ được hiểu là mua bán phụ nữ và trẻ em, các hành vi mua bán nam giới không bị xem là mua bán người và trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 được ban hành thì các hành vi mua mua bán, chiếm đoạt mô hoặc bộ phận cơ thể người khi bị xem là tội phạm. Mặt khác, những kẽ hở của pháp luật trong một số lĩnh vực như: Quản lý xuất nhập cảnh, thủ tục kết hôn với người nước ngoài, thủ tục cho nhận con nuôi, quản lý nhân khẩu... đã tạo điều kiện cho các đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi phạm tội mua bán người mà không bị xử lý.

*Thứ hai*, ẩn do yếu tố khách quan, đó là do: Tính chất phức tạp của vụ án, người bị hại, người làm chứng....

*Thứ ba*, ẩn do chủ quan, mà chủ yếu là xuất phát từ phía cơ quan tư pháp, nhất là cơ quan Công an. Trên thực tế trình độ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ của một số cán bộ thuộc các chủ thể trực tiếp đấu tranh chống tội phạm mua bán người còn hạn chế nên nhiều trường hợp chưa nhận thức hết được các dấu hiệu của tội phạm. Lực lượng trực tiếp đấu tranh với tội phạm này còn mỏng, chưa được tổ chức thành lực lượng chuyên trách đủ mạnh (đây là lý do tồn tại tội phạm ẩn chủ quan vô ý), thậm chí còn có cán bộ thoái hóa, biến chất

tiếp tay hoặc che dấu tội phạm (đó chính là lý do của tội phạm ăn chủ quan cố ý vẫn đang được tồn tại).

*Thứ tư*, ẩn do thống kê, việc thống kê số liệu thời gian qua chưa có sự liên kết giữa các cơ quan, ban ngành, và giữa các địa phương với nhau. Việc thiếu hệ thống thống kê xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, giữa các ban ngành với nhau dẫn đến nhiều trường hợp số liệu của các ban ngành không thống nhất, chưa kể nhiều trường hợp thống kê sót, thống kê thiếu và chưa sát với thực tiễn. Do vậy, trên thực tế những con số về số tội phạm, số nạn nhân của tội phạm mua bán người có thể lớn hơn rất nhiều lần và phần ẩn trong tình hình tội phạm mua bán người là rất lớn.

Qua phân tích kết quả nghiên cứu tại Chương 2 có thể đưa ra một số nhận định về tình hình tội phạm mua bán người như sau:

*Thứ nhất*, hầu hết các tỉnh phía Bắc đều có tình hình tội phạm mua bán người cao hơn các vùng, miền khác trong cả nước. Trong đó, tập trung vào các tỉnh thuộc trung du, miền núi phía Bắc và các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Hồng. Đây là các tỉnh có đường biên giới giáp với Trung Quốc hoặc có các cảng biển, sân bay quốc tế.

*Thứ hai*, tình hình tội phạm mua bán người có xu hướng vận động tập trung vào chủ thể thực hiện hành vi phạm tội là: Nữ giới, là người đã thành niên, trình độ học vấn thấp, không có việc làm hoặc việc làm không ổn định, chưa có tiền án tiền sự. Tuy nhiên xu hướng người phạm tội là nữ giới giảm trong những năm gần đây và số người phạm tội là nam ngày càng nhiều.

*Thứ ba*, tình hình tội phạm mua bán người có xu hướng vận động tập trung vào khách thể là: nữ giới, tuổi đời còn trẻ, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm hoặc việc làm không ổn định, trình độ học vấn thấp.

*Thứ tư*, tình hình tội phạm mua bán người thực hiện có xu hướng vận động tập trung vào mặt khách quan là: Phương thức gây án 3 bước, phạm tội có tổ chức, phạm tội có chuẩn bị, thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội và sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì tìm nhiều thủ đoạn để che giấu tội phạm.

*Thứ năm*, tội phạm mua bán người gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, làm gia tăng và đa dạng hóa tội phạm có tổ chức và xuyên quốc gia. Tội phạm mua bán người không diễn ra một cách độc lập mà được tổ chức một cách chặt chẽ và có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong nước và nước ngoài và hậu quả mà tội phạm này

gây ra cho nạn nhân và xã hội là rất lớn. Mặt khác, tội phạm mua bán người còn làm gia tăng các loại tội phạm khác như tham nhũng, rửa tiền, ma túy, mại dâm,... vì lợi nhuận tài chính của mại dâm có tổ chức sẽ nhanh chóng dẫn đến các hình thức rửa tiền trong nước và quốc tế. Tính chất đa tầng của hoạt động mua bán người tạo nhiều cơ hội cho việc tha hóa công chức của nhiều cơ quan khác nhau. Nguồn tiền sẵn có cung cấp phương tiện làm suy yếu mọi nỗ lực chống việc mua bán người của các cơ quan thực thi pháp luật làm xói mòn lòng tin của người dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

Việc nghiên cứu những dấu hiệu pháp lý và tình hình tội phạm mua bán người những năm qua có giá trị rất to lớn, thể hiện ở các mặt sau:

*Thứ nhất*, việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý của tội mua bán người, mua bán trẻ em và tình hình tội phạm mua bán người tại Việt Nam giai đoạn 2004-2015 là cơ sở, nền tảng cho việc nghiên cứu đề tài phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam. Việc xác định các quy định pháp luật và thực trạng của tình hình tội phạm mua bán người có vai trò quan trọng trong việc mô tả bức tranh tình hình tội phạm trên thực tế, trong đó cơ cấu của tình hình tội phạm là một trong những thông số phản ánh định tính của tình hình tội phạm từ đó phản ánh cơ bản, khái quát tình hình phòng, chống tội phạm mua bán người những năm qua, là cơ sở, nền tảng, định hướng cho việc nghiên cứu các vấn đề còn lại thuộc đối tượng nghiên cứu của tội phạm học.

*Thứ hai*, là cơ sở để đánh giá mức độ nguy hiểm, tính chất nghiêm trọng của tội phạm mua bán người; việc nghiên cứu cơ cấu tình hình tội mua bán người những năm qua phản ánh định tính của tình hình tội phạm mua bán người, thông qua việc nghiên cứu phương thức, thủ đoạn phạm tội và thiệt hại do tội phạm mua bán người gây ra cho xã hội, bao gồm những thiệt hại vật chất và thiệt hại phi vật chất đã phản ánh mức độ nguy hiểm, tính nghiêm trọng của tình hình tội phạm mua bán người trên thực tế.

*Thứ ba*, là cơ sở xác định nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm mua bán người, thông qua tìm hiểu cơ cấu tình hình tội phạm mua bán người sẽ phát hiện những quy luật tồn tại và phát triển của tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng, bằng việc nghiên cứu tỷ lệ tăng, giảm của cơ cấu tình hình tội phạm so với

khoảng thời gian được chọn làm mốc. Nghiên cứu cơ cấu có ý nghĩa trong việc theo dõi sự thay đổi của tình hình tội phạm trong từng thời kỳ nhất định, xác định những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi về thực trạng của tình hình tội phạm.

*Thứ tư*, là cơ sở đánh giá hiệu quả của hoạt động phòng ngừa tội phạm mua bán người, thông qua sự thay đổi tăng, giảm về cơ cấu của tình hình tội phạm phản ánh hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam thời gian qua.

*Thứ năm*, qua nghiên cứu cho thấy, tình hình tội phạm mua bán người thực hiện ở nước ta trong giai đoạn 2004 – 2015 đã vận động và thay đổi theo đúng xu hướng vận động và thay đổi của tình hình tội phạm chung của cả nước. Thậm chí, sự vận động và thay đổi này còn vượt hơn so với tình hình tội phạm chung. Điều này rất đáng báo động và đòi hỏi sự quyết liệt trong đấu tranh, phòng, chống tội phạm này của cả hệ thống chính trị và nhân dân cả nước. Đặc biệt là tại các điểm nóng, địa bàn trọng điểm của tình hình tội phạm mua bán người.

### Chương 3

#### NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TÌNH HÌNH TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Tại chương này, luận án khái quát và phân tích những vấn đề thực tiễn phòng, chống tội phạm mua bán người tại Việt Nam thời gian qua để tìm ra nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm mua bán người. Trong đó, luận án nghiên cứu về:

3.1. Nhận thức lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm mua bán người

3.2 Hệ thống nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm mua bán người ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là các:

3.2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc môi trường sống (S)

3.2.1.1. Môi trường tự nhiên – địa lý:

3.2.1.2. Môi trường xã hội

*a. Môi trường vi mô như: gia đình, nhà trường*

*b. Môi trường vĩ mô, nghiên cứu các nguyên nhân, điều kiện về: kinh tế - xã hội, văn hóa, quản lý nhà nước*

3.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc chủ thể hành vi – Nhân thân người phạm tội (X), trong tiêu mục này, luận án nghiên cứu về:

- *Những sai lệch thuộc ý thức của chủ thể hành vi*

- *Những sai lệch trong quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội*

- *Những tình huống thuận lợi trong quá trình kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi.*

#### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Nghiên cứu thực trạng của tình hình tội phạm MBN tại Việt Nam giai đoạn 2004-2015, trên cơ sở cơ chế hành vi phạm tội đã thấy, cơ chế này bao hàm cơ sở để thiết kế cả hai phần của hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm: Nếu quá trình động cơ hóa hành vi cung cấp cơ sở cho việc thiết kế hệ thống các biện pháp đẩy lùi tội phạm, thì quá trình kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi vừa tạo nên thực trạng của tình hình tội MBN, vừa cung cấp cơ sở cho các biện pháp ngăn chặn tội phạm này. Thời gian qua các cấp, các ngành và nhân dân của cả nước đã đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống đối với tội phạm mua bán người nhưng kết quả thu được chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra do các nguyên nhân chủ quan và khách quan như đã nêu trên. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả công

tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người chúng ta cần có những giải pháp để loại bỏ những nguyên nhân, điều kiện phạm tội.

#### **Chương 4**

### **DỰ BÁO TÌNH HÌNH TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM MUA BÁN NGƯỜI**

Trên cơ sở tiếp cận những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn phòng chống mua bán người ở Việt Nam thời gia qua ở Chương 1, Chương 2; từ đó nghiên cứu, rút ra một số nguyên nhân, điều kiện tồn tại của tội phạm mua bán người trình bày ở Chương 3, Chương 4 luận án đưa ra một số dự báo tình hình tội phạm mua bán người thời gian tới như:

- Tình hình tội phạm mua bán người vẫn diễn biến phức tạp, tuy các cơ quan hữu quan thực hiện chức năng đấu tranh phòng chống tội phạm có xu hướng ngày càng hoàn thiện về tổ chức và hoạt động nhưng quá trình này không diễn ra ngay lập tức.

- Thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Bên cạnh những thủ đoạn cũ thì trong thời gian tới sẽ xuất hiện nhiều thủ đoạn mới và tội phạm sẽ tận dụng triệt để những thành tựu khoa học kỹ thuật trong việc thực hiện tội phạm.

- Về cơ cấu tình hình tội phạm: Căn cứ vào những loại cơ cấu đã được nghiên cứu và trình bày tại Chương 1, có thể dự báo các cơ cấu của tình hình tội phạm mua bán người như sau:

\* *Về cơ cấu địa giới hành chính*: tình hình tội phạm mua bán người sẽ tiếp tục phức tạp tại một số địa bàn nhất định. Trong đó khu vực phía Bắc và các tỉnh, thành giáp biên giới, các khu công nghiệp, các thành phố lớn có sân bay, cảng biển như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... vẫn là những địa bàn trọng điểm của tình hình mua bán người.

\* *Về cơ cấu nhân chủng học*: tỷ trọng nam giới và dân tộc kinh vẫn tiếp tục chiếm đa số. Tuy nhiên, số người là người dân tộc, người nước ngoài (*nhất là người có quốc tịch Trung Quốc...*) sẽ gia tăng. Điều này hoàn toàn phù hợp với điều kiện địa lý, quá trình đô thị hóa với xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

\* *Cơ cấu nhận thức*: tỷ lệ người phạm tội mua bán người không có việc làm hoặc làm nghề tự do vẫn chiếm tỷ lệ cao. Đồng thời, cơ cấu người phạm tội mua bán người có trình độ học vấn thấp vẫn chiếm đa số. Bên cạnh đó số bị cáo có trình độ cao sẽ không ngừng gia tăng. Do phương thức thủ đoạn của tội phạm này không

ngừng thay đổi và để tránh bị phát hiện thì số bị cáo có trình độ học vấn cao sẽ tham gia vào quá trình phạm tội này.

\* *Cơ cấu hình phạt*, tỷ phần hình phạt tù vẫn sẽ chiếm ưu thế và có thể tăng thêm. Lý do là vì sự nhận thức của xã hội về tính chất nghiêm trọng của loại tội phạm này ngày càng cao. Đồng thời, việc thực hiện tù treo, cải tạo không giam giữ tại các Phường, xã, Thị trấn không đạt hiệu quả và không tương xứng với tội phạm này. Mặt khác bên cạnh hình phạt chính thì hình phạt bổ sung được áp dụng đối với tội phạm này ngày càng nhiều.

\* *Cơ cấu người bị hại*, tỷ phần người bị hại là nữ giới vẫn chiếm đa số. Tuy nhiên tỷ lệ người bị hại là nam sẽ không ngừng gia tăng.

- Tội phạm mua bán người trong thời gian tới sẽ có tính tổ chức cao, xuyên quốc gia, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Trong thời gian tới Việt Nam không chỉ là nguồn cung cấp mà còn là điểm trung chuyển của loại tội phạm này.

- Mức độ tiềm ẩn của tội phạm này rất lớn mặc dù chúng ta đã đẩy mạnh và đề ra nhiều biện pháp nhằm kịp thời phát hiện giải cứu nạn nhân và đưa ra xử lý tội phạm mua bán người nhưng do nguyên nhân chủ quan, khách quan như: tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, những bất cập trong các quy định của pháp luật, thực trạng kết hôn với người nước ngoài đang diễn biến phức tạp, đội ngũ đấu tranh phòng chống tội phạm mua bán người chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra... nên mức độ tiềm ẩn của tội phạm này trong thời gian tới là rất lớn.

Trên cơ sở dự báo, luận án đưa ra hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm mua bán người ở Việt Nam. Trong đó, bao gồm: 02 hệ thống những biện pháp, gồm:

- Thứ nhất, Những biện pháp ngăn chặn tội phạm, bao gồm:

+ *Một là, Những giải pháp không để tội phạm xảy ra:* Những giải pháp này được xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu về cơ cấu tình hình tội phạm và nguyên nhân điều kiện của tình hình tội phạm mua bán người ở Việt Nam mà tác giả đã phân tích, nghiên cứu. Trong đó, tập trung ở 3 đối tượng gồm: Tác động vào phương thức thực hiện tội phạm; Tác động vào chủ thể tiềm tàng của tội phạm mua bán người và tác động vào nạn nhân tiềm tàng của tội phạm mua bán người

+ *Hai là, Những giải pháp không để tội phạm thực hiện đến cùng:* Đây là những giải pháp áp dụng để ngăn chặn hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả do tội phạm

mua bán người gây ra. Bao gồm các giải pháp ngăn chặn khi tội phạm đang được thực hiện và các giải pháp ngăn chặn những trường hợp lặp lại của hành vi mua bán người.

+ *Ba là*, Những giải pháp không để tái phạm. Trong đó, đưa ra các giải pháp đối với các tổ chức, cá nhân như: Các cơ quan tố tụng; Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể; Về phía gia đình; Về phía người phạm tội; Về phía nạn nhân.

- Thứ hai, Những biện pháp đẩy lùi tội phạm, bao gồm: Những biện pháp về chính trị; Những biện pháp về kinh tế; Những biện pháp về mặt văn hóa- giáo dục; Những biện pháp về dân sự - xã hội; Những biện pháp về mặt pháp luật; Những biện pháp về mặt tổ chức - quản lý, đặc biệt trong phần những biện pháp về mặt tổ chức - quản lý, luận án đưa ra các giải pháp về: Mặt tổ chức bộ máy; Quản lý nhân khẩu, hộ khẩu; Quản lý trật tự xã hội; Quản lý trật tự an ninh biên giới; Hợp tác quốc tế; Hồi hương và hỗ trợ nạn nhân.

#### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 4**

Tội phạm mua bán người đã và đang là một thách thức không chỉ đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam mà đã trở thành một vấn nạn mang tính toàn cầu, thu hút sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia, các tổ chức quốc tế và những người có lương tri trên toàn thế giới. Ở Việt Nam, trước tình hình tội phạm mua bán người xảy ra nghiêm trọng, phức tạp và có xu hướng gia tăng, Nhà nước đã xác định đây là một trong những tội phạm nguy hiểm cần tập trung phòng, chống. Vì vậy trong thời gian tới cần thực hiện đồng loạt các giải pháp nhằm ngăn chặn và tiến tới đẩy lùi tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Việc phân chia các giải pháp khác nhau trong các giai đoạn khác nhau như trình bày ở chương này chỉ để làm rõ các những mặt cụ thể, cần tập trung trong từng bước, từng giai đoạn nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng vì suy cho cùng không có giải pháp nào cụ thể chỉ sử dụng riêng cho một giai đoạn, một quá trình mà các giải pháp này là sự kết hợp, đan xen với nhau. Trong đó, để nâng cao hiệu quả phòng, chống tội phạm mua bán người cần phải đặt trong mối quan hệ giữa phòng, chống tội phạm với giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, thực thi quyền con người và việc thực hiện này phải mang tính đồng bộ, kết hợp nhiều biện pháp trên nhiều lĩnh vực với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.



## KẾT LUẬN

Mua bán người không chỉ là vấn đề xã hội đơn thuần mà là sự biểu hiện của tình trạng suy đồi đạo đức và đã trở thành vấn nạn trong cộng đồng thế giới loài người mà nếu không giải quyết được, đó chính là những gam màu xám đen làm lem luốc, phá hỏng toàn cảnh bức tranh văn minh nhân loại. Vì vậy, việc phòng, chống ngăn chặn tội phạm mua bán người là trách nhiệm chung của tất cả những ai có lương tri nhằm góp phần vào sự ổn định của xã hội mà cũng là sự bình an cuộc sống của chính mình.

Mặc dù Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đề ra nhiều biện pháp nhằm đấu tranh ngăn chặn tình trạng mua bán người đặc biệt là mua bán phụ nữ và mua bán trẻ em nhưng tội phạm mua bán người vẫn diễn biến phức tạp với tính chất quy mô và thủ đoạn phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, gia tăng dưới nhiều hình thức, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, gây tổn hại thuần phong, mỹ tục, đạo đức truyền thống văn hóa tốt đẹp của người Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn đấu tranh, phòng, chống tội phạm mua bán người tại nước ta có ý nghĩa không chỉ về mặt lý luận mà còn có giá trị thực tiễn.

Từ những luận điểm, luận cứ nêu trong luận án có thể rút ra kết luận:

*Thứ nhất*, thực tiễn tại Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm mua bán người với nhiều cách tiếp cận ở các góc độ khác nhau từ góc độ tội phạm học, góc độ pháp lý hình sự đối với tội phạm mua bán người. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu đã được công bố thời gian qua về tình hình tội phạm mua bán người (mua bán phụ nữ, mua bán trẻ em) là các công trình nghiên cứu trên một địa bàn cụ thể hoặc đã được nghiên cứu trước khi Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, Luật Phòng, chống mua bán người được ban hành.

*Thứ hai*, tình hình tội phạm mua bán người thực hiện ở nước ta trong giai đoạn 2004 – 2015 đã vận động và thay đổi theo đúng xu hướng vận động và thay đổi của tình hình tội phạm chung của cả nước. Thậm chí, sự vận động và thay đổi này còn vượt hơn so với tình hình tội phạm chung. Điều này rất đáng báo động và đòi hỏi sự quyết liệt trong đấu tranh, phòng, chống tội phạm này của cả hệ

thống chính trị và nhân dân cả nước. Đặc biệt là tại các điểm nóng, địa bàn trọng điểm của tình hình tội phạm mua bán người.

*Thứ ba*, tội phạm mua bán người tại Việt Nam thời gian qua diễn biến hết sức phức tạp xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan, khách quan như: vị trí địa lý, những tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, sự yếu kém trong công tác quản lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm, những bất cập trong hợp tác quốc tế... đã tạo điều kiện cho tội phạm mua bán người có cơ hội tồn tại và phát triển.

*Thứ tư*, trong thời gian tới, tội phạm mua bán người tại Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp, có chiều hướng tăng, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức chặt chẽ với sự cầu kết giữa các đối tượng trong nước và nước ngoài. Mức độ tiềm ẩn tội phạm lớn.

*Thứ năm*, việc nghiên cứu tình hình tội phạm mua bán người tại Việt Nam từ năm 2004 đến năm 2015 nhằm phân tích, đánh giá đúng tình hình tội phạm này một cách toàn diện, sâu sắc từ mọi khía cạnh của tình hình tội phạm, các yếu tố tiêu cực tác động đến tình hình tội phạm.

Luận án đã thống kê, phản ánh được các đặc điểm định tính (*cơ cấu*) và đặc điểm định lượng (*mức độ*) của tình hình tội phạm mua bán người giai đoạn 2004-2015 từ các nguồn dữ liệu thống kê tin cậy. Đặc biệt, kết quả nghiên cứu đã cho thấy một số đặc trưng riêng của tình hình tội phạm mua bán người thực hiện. Từ đó xác định được nguyên nhân và điều kiện, tạo cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề ra các biện pháp đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả loại tội phạm này trong thời gian tới.

Luận án đã phân tích tương đối cụ thể và chi tiết các cơ cấu chuyên biệt của tình hình tội phạm mua bán người thực hiện tại Việt Nam thời gian qua. Tạo cơ sở dữ liệu và thống kê cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về tình hình tội phạm mua bán người nói riêng và tình hình tội phạm nói chung tại Việt Nam.

*Thứ sáu*, luận án đã đề xuất hệ thống các giải pháp phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm mua bán người nói riêng trên cơ sở sự kế thừa, phát triển các kết quả nghiên cứu trước đó về phòng, chống tội phạm mua bán người trong và ngoài nước, bám sát và áp dụng vào thực tiễn Việt Nam hiện nay.

*Thứ bảy*, để nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người cần có các giải pháp về kinh tế, văn hóa, giáo dục, xã hội, quản lý nhà nước, hoàn thiện pháp luật

đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người, cũng như làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, giải cứu, hỗ trợ nạn nhân hồi hương... nhằm ngăn chặn, tiến đến đẩy lùi tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội, trong đó các cấp Đảng, chính quyền, đoàn thể phải xác định phòng, chống mua bán người là một nhiệm vụ chính trị quan trọng bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế. Trong đó, cần xác định đấu tranh phòng, chống tội phạm mua bán người không chỉ dừng lại ở hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật và không chỉ bằng pháp luật hình sự mà cần sự phối hợp của các ngành, địa phương, đoàn thể và toàn thể nhân dân, phải biết gắn kết đồng bộ nhiều biện pháp, giải pháp thích hợp, xuyên suốt mà trọng tâm là lấy giáo dục, phòng ngừa làm chính. Với tất cả truyền thống tốt đẹp của dân tộc bằng những hành động thiết thực chúng ta hi vọng sẽ đẩy lùi tội phạm mua bán người nói riêng và tội phạm nói chung, tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, nhân đạo và văn minh.

Với khả năng hạn chế, tác giả đã cố gắng theo sát nhiệm vụ nghiên cứu và chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tuy nhiên, với đề tài này, tác giả cũng đã góp một phần vào việc xây dựng hệ thống các cơ sở lý luận và thực tiễn của ngành Tội phạm học tại Việt Nam. Qua đó, thể hiện vai trò, trách nhiệm của một công dân trong việc tham gia phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Mặc dù, tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng do vấn đề nghiên cứu phức tạp cũng như khả năng kinh nghiệm nghiên cứu của tác giả còn hạn chế nên không tránh khỏi những sai sót, tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu và những người quan tâm đến vấn đề này./.